

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-ST
Ngày 09-9-2020
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Dương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2017/TLST-DS ngày 07/7/2017 về tranh chấp kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 639, ấp BR, xã VH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trọng C, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 22/23/18, đường số 7, khu phố 3, phường LT, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2015); có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Trọng N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 307, ấp KN, xã VH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Đỗ Thế H, sinh năm 1971; địa chỉ: 40/12A CT, Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2017, tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Trọng C trình bày: Trước đây bà T và ông N có làm Hợp đồng cho mượn tài sản vào ngày 20/12/2014, bà T mượn của ông N 01 chiếc xe ô tô Biển số 60S-0750 (mang tên

Công ty TNHH MTV TMDV MH) với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 năm đến ngày 20/12/2015. Tuy nhiên, chưa hết thời hạn thì ông N đã lấy giấy đăng ký xe nên bà T bức xúc vì bà T không vi phạm hợp đồng và Công an huyện Phú Giáo đã bắt chiếc xe trên. Nay, bà T yêu cầu ông N trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà T.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông N trình bày: Trước đây ông N là chủ đại lý phân phối bia, nước ngọt. Quá trình kinh doanh thì ông N có mua chiếc xe ô tô biển số 60S-0750 (mang tên Công ty TNHH MTV TMDV MH) nhưng chưa sang tên. Do ông N giải thể đại lý phân phối bia, nước ngọt nên ông N có cho bà T mượn vỏ két bia, nước ngọt và hai bên có làm Hợp đồng cho mượn tài sản vào ngày 20/12/2014. Khi làm hợp đồng thì ông N có nói là chỉ cho mượn vỏ két bia, nước ngọt còn xe ô tô thì cho bà T mượn tạm khi nào cần thì ông N lấy lại. Tuy nhiên, khi ông N yêu cầu bà T trả lại xe thì bà T không đồng ý. Vì vậy, do ông N không tin tưởng bà T nên ông N lấy lại Giấy đăng ký xe ô tô, Giấy đăng kiểm xe. Nay, với yêu cầu khởi kiện của bà T ông N không đồng ý trả số tiền trên cho bà T.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Đỗ Thế H trình bày: Ông N có nói ông Hải gom vỏ chai bia, nước ngọt cho bà T và có biết việc bà T mượn xe ông N và giao cho ông N 100.000.000 đồng, khi nào mà cần thì ông N đưa lại tiền, bà T giao lại xe và vỏ chai bia, nước ngọt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc phần tranh luận và đối đáp, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ, các bản tự khai, tranh tụng tại phiên tòa thì có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản. Bị đơn hiện cư trú tại xã VH, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Trọng Cương, người làm chứng ông Đỗ Thế H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần

Trọng N được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng. Đối với Công ty TNHH MTV MH, ông Huỳnh Đức L không có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án nên HĐXX không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà T và ông N có làm Hợp đồng cho mượn tài sản vào ngày 20/12/2014, bà T mượn của ông N 01 chiếc xe ô tô Biển số 60S-0750 (mang tên Công ty TNHH MTV TMDV MH) với số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 năm đến ngày 20/12/2015. Tuy nhiên, chưa hết thời hạn thì ông N đã lấy giấy đăng ký xe nên bà T bức xúc vì bà T không vi phạm hợp đồng và Công an huyện Phú Giáo đã tạm giữ chiếc xe trên. Nay, bà T yêu cầu ông N trả số tiền 100.000.000 đồng cho bà T. Ông N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng số tiền trên là số vỏ các chai bia, nước ngọt ông N cho bà T mượn. Nếu bà T yêu cầu ông N trả số tiền trên thì bà T phải trả số vỏ chai bia nước ngọt cho ông N.

HĐXX xét thấy, ngày 20/12/2014, bà T và ông N có làm hợp đồng mượn tài sản theo đó ông N cho bà T mượn chiếc xe ô tô biển số 60S-0750, bà T đưa cho ông N số tiền 100.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận khi nào ông N cần thì bà T trả xe ô tô và ông N đưa lại số tiền trên cho bà T. Ông N thừa nhận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng là của ông N. Sau khi ký hợp đồng và giao giấy đăng ký xe cho bà T thì ông N đã mượn lại giấy đăng ký xe ô tô và bán chiếc xe trên cho ông Huỳnh Đức L với số tiền 155.000.000 đồng nhưng không trả tiền cho bà T. Ông N trình bày là cho bà T mượn vỏ các chai bia, nước ngọt nhưng không có chứng cứ chứng minh, không được bà T thừa nhận.

Do vậy, HĐXX có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc yêu cầu ông Trần Trọng N trả số tiền 100.000.000 đồng.

Trường hợp ông N có căn cứ việc bà T mượn số vỏ chai bia, nước ngọt thì khởi kiện ở một vụ án khác.

[4] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tại phiên tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T với bị đơn ông Trần Trọng N về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Buộc bị đơn ông Trần Trọng N trả cho bà Phạm Thị T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị T không phải nộp và được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007994 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo.

- Ông Trần Trọng N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kim Niệm Lê Thị Phương Dung

Trần Hữu Duyên